TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DSST
Ngày: 12/11/2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ TN, TỈNH TN

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Xây, ông Phạm Khắc Mã

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên, thư ký Tòa án nhân dân T phố TN, tỉnh TN

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố TN tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/11/2019 đến ngày 12/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2019, về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXX-ST ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu C, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm An Thái xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Kim O, sinh năm 1978; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (Ông T ủy quyền cho bà O)

Địa chỉ: Tổ 2, phường Tân Lập, T phố TN, tỉnh TN

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Ngô Thị Thu C trình bày:

Tôi với bà Đỗ Thị Kim O, sinh năm 1978; Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 ở tổ 2, phường Tân Lập, T phố TN, tỉnh TN là chỗ quen biết. Ngày 11/12/2017 tại Văn phòng công chứng Sông Cầu, tỉnh TN đã ký Hợp đồng vay tiền được công chứng, chứng thực với số tiền là 1.200.000.000 đồng, thời gian vay là một năm, lãi suất thỏa thuận không quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Sau khi làm xong thủ tục tôi đã chuyển đủ số tiền cho bà O.

Đến ngày 10/5/2018 hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng hai thửa đất:

1- Thửa đất số 489, tờ bản đồ số 4, diện tích 135 m^2 tại phường Tân lập , T phố TN, GCNQSDĐ số AO 204217 cấp ngày 18/11/2009 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O;

2- Thửa đất số 1844, tờ bản đồ số 10, diện tích 231 m^2 tại Thôn Triêm Trung 1, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh QN, GCNQSDĐ số BC 770956 cấp ngày 13/12/2010 cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O;

Nay thời gian vay đã quá hạn bà O, ông T không thực hiện theo đúng hợp đồng hai bên đã ký. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tôi đề nghị Tòa án giải

quyết buộc bà O, ông T trả lại cho tôi số tiền nợ trên. Nếu không trả được nợ thì đề nghị Tòa án phát mại tài sản đối với hai thửa đất trên và phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Tôi với chị Ngô Thị Thu C ở Xóm An Thái xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN là chỗ quen biết. Ngày 06/9/2010 chị C cho vợ chồng tôi là Nguyễn Văn T vay 200.000.000 đồng, tiếp theo đến ngày 17/9/2010 vay tiếp 350.000.000 đồng, ngày 04/3/2011 chị C cho vay tiếp 100.000.000 đồng, lãi suất hàng tháng trả cho chị C là 15.000.000 đồng. (Lần trả lãi cuối cùng vào ngáy 20/5/2013).

Sau đó chị C phải đi thi hành án nên vợ chồng tôi không trả lãi nữa. Đến khi chị C đi thụ án về vợ chồng tôi đã sang hỏi thăm và xác nhận số nợ cũ với chị. Những ngày sau đó vợ chồng tôi chuẩn bị nhập một chuyến hàng là gỗ và có đề xuất với chị C cho vay thêm 550.000.000 đồng chị C suy nghĩ một thời gian và đã đồng ý cho vay. Ngày 11/12/2017, tại Văn phòng công chứng Sông Cầu, tỉnh TN đã ký Hợp đồng vay tiền chứng thực. Sau đó đến 17 giờ 30 cùng ngày chị C lấy tiền đưa cho vợ chồng tôi là 350.000.000 đồng (Mặc dù bản hợp đồng công chứng đã làm là vay 1.200.000.000 đồng), chị C nói là bán được nhà ở dưới Gang Thép chị đưa nốt 200.000.000 đồng. Vợ chồng tôi đồng ý và có yêu cầu chị C viết lại một giấy viết tay đến thời điểm đó chỉ nhận của chị C tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng, ngoài ra không còn giấy vay tiền nào của chị C có giá trị nữa. Do kinh dO thua lỗ nên vợ chồng tôi chưa trả được tiền lãi cho chị C. Vợ chồng tôi đã làm cho chị C 02 trần nhà gỗ Hương trị giá 200.000.000 đồng, làm xong chị C bảo làm thêm một sàn nhà bằng gỗ Hương ở HN, vợ chồng tôi đã chuẩn bị vật tư xong chỉ chờ chị cho lắp, thì chị lại thay đổi ý định và không cho lắp nữa vậy là vợ chồng tôi lại càng khó khăn. Khoảng 03 tháng sau vợ chồng tôi đề nghị chị cho vay tiếp 200.000.000 đồng chị C đồng ý nhưng với điều kiện là phải có tài sản thế chấp mới cho vay. Vợ chồng tôi nói là nhà và đất đã thế chấp ngân hàng rồi. Chị nói cho chị xem bản hợp đồng đã thế chấp với Ngân hàng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản phô tô cũng được. Đến ngày 10/5/2018 chị C hẹn vợ chồng tôi sang nhà chị để cho vay thêm tiền. Sang đó chị C đã gọi thêm một anh tên là N ngồi tư vấn cho vợ chồng tôi và yêu cầu vợ chồng tôi viết giấy biên nhận tiền bán đất (Mẫu đã in sẵn) nhưng vợ chồng tôi không đồng ý vì vợ chồng tôi đã thế chấp cho ngân hàng rồi. Lúc đó chị C và anh N nói làm cơ sở tin nhau thôi. Nghe hai người nói vậy vợ chồng tôi đã ký vào giấy chuyển nhượng thửa đất số 489, tờ bản đồ số 4, diện tích 135 m^2 tại phường Tân lập , T phố TN, GCNQSDĐ số AO 204217 cấp ngày 18/11/2009 với số tiền là 1.300.000.000 đồng. Chị C và anh N yêu cầu vợ chồng tôi viết là đã nhận đủ số tiền là 900.000.000 đồng. Khi viết xong giấy chị C giật ngay giấy và đưa cho chị Thủy là chị gái chị C mang về nhà cất. Và lúc này chị C và anh N nói là không đưa tiền cho vợ chồng tôi vay thêm nữa. Giấy bán nhà này là để gán vào số tiền mà vợ chồng tôi vay 1.000.000.000 đồng. Lúc này vợ chồng tôi mới biết chị C cố tình lừa chúng tôi viết giấy bán nhà đó. Tôi không đồng ý và nói cho chị C phải hủy giấy bán nhà đó đi hoặc phải hủy giấy vay tiền nhưng chị C và anh N không đồng ý. Anh Nam lên xe đi về tôi có nói với chị C nếu không hủy một trong hai giấy và cũng không cho tôi vay thêm tiền thì sẽ báo công an vì mặt sau của giấy biên nhận tiền bán đất có bắt tôi viết là đã nhận đủ tiền 900.000.000 đồng. Trong khi đó tôi không được nhận một đồng nào. Vợ chồng tôi nhất khoát không bước chân ra ra khỏi nhà chị C. Nói báo công an chị C lại gọi cho anh N đến, sau

đó anh Nam có đe dọa là gọi cho dân xã hội xuống nhà xử lý và ép vợ chồng tôi viết giấy bán nhà theo GCNQSDĐ số AO 204217 cấp ngày 18/11/2009 chỉ với giá 800.000.000 đồng. Và vẫn nói chỉ để làm tin để cho vợ chồng tôi trả trả số tiền vay của chị C, và viết thêm một giấy vay tiền là 360.000.000 đồng thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 10/5/2018 và để đảm bảo khoản vay này bằng tài sản trên GCNQSDĐ số BC 770956 cấp ngày 13/12/2010 tại thửa đất số 1844, tờ bản đồ số 10, diện tích 231 m^2 tại Thôn Triêm Trung 1, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh QN.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C trình bày: Rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải trả 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và tính lãi suất theo quy định của pháp luật với 03 khoản nợ trước là 650.000.000 đồng từ tháng 8/2011 và khoản nợ sau là 350.000.000 đồng tính từ ngày 10/5/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm;

Về tài sản thế chấp:

Ngày 10/5/2018 hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng hai thửa đất:

1- Thửa đất số 489, tờ bản đồ số 4, diện tích 135 m^2 tại phường Tân lập, T phố TN, GCNQSDĐ số AO 204217 cấp ngày 18/11/2009 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O. Hiện nay GCNQSDĐ này Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T đang thế chấp cho Ngân hàng;

2- Thửa đất số 1844, tờ bản đồ số 10, diện tích 231 m^2 tại Thôn Triêm Trung 1, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh QN, GCNQSDĐ số BC 770956 cấp ngày 13/12/2010 cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O tài sản này tôi đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là kê biên để đảm bảo cho việc thi hành án;

- Bị đơn bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T trình bày: Vợ chồng bà chỉ được vay của bà C tổng cộng số tiền là 1.000.000.000 đồng hàng tháng trả cho chị C là 15.000.000 đồng. (Lần trả lãi cuối cùng vào ngáy 20/5/2013). Lý do tôi không trả lãi là do chị C đi thi hành án, nay tôi bị phá sản không có khả năng trả lãi nữa.

Về tài sản thế chấp:

Ngày 10/5/2018 tôi đã thỏa thuận về việc chuyển nhượng hai thửa đất:

1- Thửa đất số 489, tờ bản đồ số 4, diện tích 135 m^2 tại phường Tân lập, T phố TN, GCNQSDĐ số AO 204217 cấp ngày 18/11/2009 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O. Hiện nay GCNQSDĐ này đang thế chấp cho Ngân hàng không thể xử lý được;

2- Thửa đất số 1844, tờ bản đồ số 10, diện tích 231 m^2 tại Thôn Triêm Trung 1, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh QN, GCNQSDĐ số BC 770956 cấp ngày 13/12/2010 cấp cho vợ chồng tôi. Tài sản này chị C đã yêu cầu và Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là kê biên để đảm bảo cho việc thi hành án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố TN phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy

định pháp luật tố tụng dân sự. Toà án đã tiến hành cấp tống đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C, buộc bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải thanh toán trả bà Ngô Thị Thu C tiền còn nợ là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật; Bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Thu C khởi kiện bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền đã vay là 1.200.000.000đ (Một tỷ, hai tăm triệu đồng) nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26. Khi tranh chấp bị đơn bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại Tổ 2, phường Tân Lập, T phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố TN theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử nhận xét:

Nguyên đơn có 02 yêu cầu giải quyết đối với bị đơn: Yêu cầu giải quyết về đòi nợ số tiền đã cho bị đơn vay là: 1.200.000.000đ (Một tỷ, hai tăm triệu đồng) và yêu cầu giải quyết về lãi suất đối với bị đơn.

2.1. Yêu cầu giải quyết về đòi nợ số tiền đã cho bị đơn vay là:

Ngày 11/12/2017 tại Văn phòng công chứng Sông Cầu, tỉnh TN tôi với bà Đỗ Thị Kim O đã ký Hợp đồng vay tiền được công chứng, chứng thực với số tiền là 1.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải trả 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần theo yêu cầu của bà C.

Bà Đỗ Thị Kim O đã xác nhận vợ chồng bà có được vay của bà C 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Việc xác nhận này của hai bên tại phiên tòa là tự nguyện khách quan Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.2 Yêu cầu giải quyết về lãi suất đối với bị đơn:

Đối với các khoản bà C cho vợ chồng bà O, ông T vay ngày 06/9/2010 là 200.000.000 đồng; ngày 17/9/2010 là 350.000.000 đồng; ngày 04/3/2011 là 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 650.000.000 đồng.

- Bà C xác nhận là vợ chồng bà O, ông T đã trả lãi đến hết tháng 5/2011 mỗi tháng trả 15.000.000 đồng.

- Bà O trình bày đã trả lãi cho bà C đến hết ngày 20/5/2013 mỗi tháng trả 15.000.000 đồng.

Hai bên không thống nhất được với nhau về số tiền đã trả lãi. Hội đồng xét xử xét thấy bà O cung cấp một giấy viết tay gồm có 06 lần trả lãi cho bà C tổng cộng là 105.000.000 đồng. Bà C cung cấp một giấy của Bộ Quốc phòng, Bộ tư lệnh quân khu I ngày 19/9/2017 thì bà C đã bị bắt ngày 17 tháng 8 năm 2011. Như vậy việc bà C từ tháng 8/2011 không có mặt tại địa phương để nhận tiền lãi của bà O trả là có căn cứ. Thời điểm tính lãi quá hạn được tính từ ngày 17/8/2011 cho đến thời điểm xét xử ngày 12/11/2019.

Đối với các khoản bà C cho vợ chồng bà O, ông T vay ngày10/5/2018 số tiền 350.000.000 đồng thời điểm tính lãi quá hạn từ ngày 10/5/2019 cho đến thời điểm xét xử ngày 12/11/2019.

Mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm này là 9% /năm. Do nợ quá hạn nên tính 150% của 9%/năm là 13,50%:

- Ngày 17/8/2011 bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T để nợ quá hạn đối với số tiền 650.000.000 đồng với số ngày quá hạn là 3009 với lãi suất 13,50%/năm bằng 723.396.575 đồng;

- Ngày 10/5/2018 đến ngày 10/5/2019 bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T vay số tiền 350.000.000 đồng với số ngày 365 với lãi suất trong hạn là 9%/năm bằng 31.500.000 đồng;

- Ngày 10/5/2019 bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T để nợ quá hạn đối với số tiền 350.000.000 đồng với số ngày quá hạn là 186 với lãi suất 13,50%/năm bằng 24.078.082 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là 778.974.657 đồng.

Như vậy số tiền gốc và lãi bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Ngô Thị Thu C là: 1. 778.974.657 đồng.

Về luật áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết vụ án.

Về khoản tiền lãi: do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi theo lãi suất ngân hàng, nhưng không nói rõ thỏa thuận theo mức lãi suất nào, nên áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành các khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán cho đến khi thi hành xong.

[3] Đối với giao dịch ngày 10/5/2018 hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng hai thửa đất Hội đồng xét xử thấy:

- Thửa đất số 489, tờ bản đồ số 4, diện tích 135 m^2 tại phường Tân lập, T phố TN, GCNQSDĐ số AO 204217 cấp ngày 18/11/2009 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O. Hiện nay GCNQSDĐ này đang thế chấp cho Ngân hàng;

- Thửa đất số 1844, tờ bản đồ số 10, diện tích 231 m^2 tại Thôn Triêm Trung 1, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh QN, GCNQSDĐ số BC 770956 cấp ngày 13/12/2010 cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O. Tài sản ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O đang quản lý, sử dụng. Việc giao dịch này không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật nên không có hiệu lực buộc các bên phải thi hành.

[4] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ - BPKCTT ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân T phố TN là kê biên đối với thửa đất số: 1844, tờ bản đồ số 10, diện tích 231 m^2 tại Thôn Triêm Trung 1, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh QN, GCNQSDĐ số BC 770956 cấp ngày

13/12/2010 cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị Kim O sẽ bị hủy bỏ theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị Kim O có trình bày đã làm cho bà Ngô Thị Thu C 02 trần nhà gỗ Hương trị giá 200.000.000 đồng, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Bà O có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Hoàn trả lại cho bà C khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự T phố TN. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 138, 146, 147, 266, 271, 273, 278, 280, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 357, 463, 464, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C về khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Thu C số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc, 778.974.657 đồng (Bẩy trăm bẩy mươi tám triệu, chín trăm bẩy mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi bẩy đồng) tiền lãi. Tổng cộng bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T trả cho bà Ngô Thị Thu C 1.778.974.657 đồng (Một tỷ, bẩy trăm bẩy mươi tám triệu, chín trăm bẩy mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi bẩy đồng).

2**.** Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Ngô Thị Thu C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T không thi hành khoản tiền trên (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải nộp 65.369.239 đ (Sáu mươi năm triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước;

Hoàn trả bà Ngô Thị Thu C 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0001953 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự T phố TN;

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Huy Hưởng